TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2020/DS - PT
Ngày: 14 – 7 – 2020
V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Hiếu

Các Thẩm phán: Ông Trần Hoài Sơn;

Bà Trần Thị Bé.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Duy Đức, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng;

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa*:** Ông Ngô Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2020/TLPT – DS ngày 12 tháng 02 năm 2020 về "*Tranh chấp về thừa kế tài sản"*;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2020/DS – ST ngày 03 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2020/QĐXXPT – DS ngày 11 tháng 5 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 44/2020/QĐPT – DS ngày 12 tháng 6 năm 2020; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 45/2020/QĐPT – DS ngày 29 tháng 6 năm 2020 và Thông báo về việc tiếp tục phiên tòa số: 398/TB-TA ngày 02/7/2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Cháu Trần Thị Kim A; sinh ngày: 14-01-2004.

Người đại diện theo pháp luật của Cháu Trần Thị Kim A: Bà Hoàng Thị L (mẹ ruột); sinh năm: 1976, cùng địa chỉ: Đường N, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Phan Lữ Thùy L; sinh năm: 1978, địa chỉ: đường L, quận T, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. NLQ 1, sinh năm 1986; Hộ khẩu thường trú: đường N, quận P, TP Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền của NLQ 1: Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1982; địa chỉ: đường N, thành phố Hồ Chí Minh; theo Hợp đồng ủy quyền số 040518 ngày 27/11/2017 tại Văn phòng công chứng H, thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

3.2. NLQ2; sinh ngày 30-12-2008;

3.3. NLQ3; sinh ngày 29-5-2010;

Người đại diện theo pháp luật của NLQ2 và NLQ3: Bà Phan Lữ Thùy L, sinh năm: 1978 (là mẹ ruột); cùng địa chỉ: Số x đường L, quận T, thành phố Đà Nẵng , quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Bà L có mặt.

3.4. NLQ4

Trụ sở: Số x đường L, quận T, thành phố Đà Nẵng , quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Phan Lữ Thùy L; chức vụ: Giám đốc. Có mặt.

3.5. NLQ5.

Trụ sở: Số x đường L, quận T, thành phố Đà Nẵng , quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Phan Lữ Thùy L; chức vụ: Giám đốc. Có mặt.

3.6. NLQ6, địa chỉ: đường M, quận T, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

3.7. NLQ7, địa chỉ: đường P, quận H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

3.8. NLQ8, địa chỉ: đường P, quận H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

3.9. NLQ9, địa chỉ: Phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

3.10. NLQ10, địa chỉ: Phường H, quận H, TP Đà Nẵng. Vắng mặt.

3.11. NLQ11;
Địa chỉ: huyện B, tỉnh Q, vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Bà Phan Lữ Thùy L, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện, Bản tự khai, các Biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn - Bà Hoàng Thị L trình bày:*

Ông Trần Quang T sinh thời có vợ là bà Vũ Thị Thu D, sinh được 01 người con là: NLQ 1, sinh năm 1986. Ngày 25-12-2000, Ông T và bà D đã ly hôn theo Quyết định số 218/HNST của Tòa án nhân dân quận Thanh Thanh Khê, TP Đà Nẵng.

Sau đó, Ông T và tôi có sinh được 01 người con là Trần Thị Kim A, sinh ngày 14-01-2004. Ngày 30-9-2005, Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng ra Quyết định công nhận Kim A là con chung của tôi và Ông Trần Quang T. Hàng tháng Ông T cấp dưỡng nuôi Kim A 1.100.000đ.

Đến ngày 02-6-2005, Ông T lấy vợ là Bà Phan Lữ Thùy L và sinh được 02 con trai: NLQ 2, sinh ngày: 30-12-2008 và NLQ 3, sinh ngày: 29-5-2010.

Ông T có tài sản là nhà và đất tại thửa đất số 117, tờ bản đồ số 9, địa chỉ Số x đường L, quận T, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3402053051 do UBND TP Đà Nẵng cấp ngày 10-9-1999.

Ông T chết ngày 22-5-2017. Đối với nhà và đất tại địa chỉ Số x đường L, quận T, thành phố Đà Nẵng thì Ông T chết không để lại di chúc. Hiện nay, tài sản trên do Bà Phan Lữ Thùy L là người trực tiếp quản lý, sử dụng. Nay Cháu Trần Thị Kim A khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật và xin được nhận phần thừa kế là bằng tiền.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn - Bà Phan Lữ Thùy L về việc yêu cầu Tòa án giải quyết công sức đóng góp vào xây dựng nhà Số x đường L, quận T, thành phố Đà Nẵng , quận Thanh Khê với số tiền 1.900.000.000đ. Tôi có ý kiến như sau: Nhà Số x đường L, quận T, thành phố Đà Nẵng là tài sản độc lập của Ông T, được Ông T xây dựng từ năm 1999 với số tầng là 04 tầng (theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4536 ngày 10-9-1999). Đến tháng 7-2005, Ông T tiến hành việc sửa chữa, cải tạo thành nhà 06 tầng. Ông T cưới Bà L cùng năm đó. Việc cải tạo, sửa chữa nhà do tiền của Ông T bỏ ra thuê các nhà thầu xây dựng, Bà L không có đóng góp gì. Bà yêu cầu

phản tố như trên là không thuyết phục, không có căn cứ thực tế cũng như pháp luật quy định.

Đối với NLQ4 yêu cầu có đóng góp cải tạo, mua sắm thiết bị với số tiền là 2.000.000.000đ. NLQ4 thành lập ngày 29-01-2002 theo Giấy đăng ký kinh doanh số 3202000479. Công ty này được Ông Trần Quang T cùng với các thành viên khác thành lập, nhưng vốn điều lệ chủ yếu do Ông T đóng góp. Sau khi cưới Bà L về thì đến tháng 9-2005 NLQ4 chuyển đổi người đại diện theo pháp luật sang Bà L làm giám đốc, Bà L không góp vốn tại công ty này. Từ tháng 7-2006 đến nay NLQ4 đã không còn hoạt động nhưng chưa tiến hành các thủ tục tạm ngưng hoạt động hay giải thể, phá sản. Công ty này không có đóng góp, cải tạo gì nhà Số x đường L, quận T, thành phố Đà Nẵng vì nhà đất đứng tên Ông T, giấy phép xây dựng do Ông T đứng tên, việc cải tạo, xây dựng Ông T tiến hành. Còn đối với việc mua trang thiết bị trong nhà thì nguyên đơn không yêu cầu phân chia các tài sản này (gồm ti vi, tủ lạnh, quạt máy, bàn ghế, giường tủ của khách sạn nay là 42 phòng trọ cũng như tài sản khác là máy phát điện...). Chúng tôi chỉ yêu cầu phân chia tài sản là nhà đất tại Số x đường L, quận T, thành phố Đà Nẵng .

Đối với NLQ5 yêu cầu có đóng góp xây dựng, cải tạo nhà ở thành khách sạn với số tiền là 5.000.000.000đ. Tôi có ý kiến: Nhà đất tại Số x đường L, quận T, thành phố Đà Nẵng đã được Ông T tiến hành xây dựng năm 1999 và cải tạo, sửa chữa năm 2005, đến tháng 7-2006 NLQ5 mới ra đời với vốn điều lệ không nhiều (1.900.000.000đ) thì lấy đâu ra tiền để đầu tư xây dựng nhà. Đồng thời, nhà đất đó của Ông T đứng tên thì việc NLQ5 có đóng góp tiền để xây dựng năm 2005 là không hợp logic về thời gian và chứng từ kế toán.

Tôi không chấp nhận yêu cầu phản tố của Bà Phan Lữ Thùy L, yêu cầu độc lập của NLQ4 và NLQ5.

** Theo đơn phản tố, bản tự khai, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn - Bà Phan Lữ Thùy L trình bày:*

Tôi và Ông Trần Quang T là vợ chồng hợp pháp, đã được UBND phường C, quận T, TP Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 02-6-2005. Tôi và Ông T có 02 người con chung là các NLQ2 và NLQ 3.

Từ năm 2005, TAND quận Thanh Khê đã công nhận Cháu Trần Thị Kim A, sinh ngày 14-01-2004 là con chung ngoài giá thú của chồng tôi - Ông Trần Quang T và Bà Hoàng Thị L trước khi chúng tôi kết hôn. Ông T có trách nhiệm

cấp dưỡng nuôi con 1.100.000đ, cấp dưỡng 06 tháng/lần vào tháng 01 và tháng 6 hàng năm đến khi Cháu A đủ 18 tuổi.

Ngày 22-5-2017, Ông T chết, có để lại di chúc hay không hiện nay chúng tôi không rõ. Thời gian này Bà L có đưa Cháu A đến thắp nhang cho cha mình. Nay Cháu A khởi kiện chia thừa kế thì tôi có ý kiến như sau:

Sau khi có quyết định của Tòa án v/v công nhận cha cho con, Ông T vẫn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình, thậm chí ngoài số tiền cấp dưỡng nuôi con, Ông T còn cung cấp thêm tiền cho Cháu A ăn học (5.000.000đ/tháng). Ngày 10-01-2013, Bà L có làm Tờ trình xin nhận số tiền cấp dưỡng 5.000.000đ/tháng cho đến hết năm 2019 với số tiền 350.000.000đ. Số tiền này Bà L đã nhận đủ 01 lần và dùng để xây nhà ở cùng nhiều phòng trọ cho thuê. Số tiền đó đã thể hiện đầy đủ trách nhiệm và tình thương của người cha đối với con.

Trong các phiên hòa giải tại Tòa án, thì việc xây dựng, sửa chữa nhà Số x đường L, quận T, thành phố Đà Nẵng , khách sạn E đã được xác nhận có các mốc 2005, 2006, 2010 và lần sau cuối năm 2015 trên nền tảng nhà cũ 03 tầng của chồng tôi là Ông Trần Quang T. Quá trình sửa chữa được bắt đầu sau khi 02 vợ chồng tôi kết hôn nên trong Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại Số x đường L, quận T, thành phố Đà Nẵng - là cơ sở để xác định phần thừa kế - không được thể hiện. Quá trình xây dựng, kinh doanh là cả một hành trình hơn 10 năm với rất nhiều vất vả, khổ cực, để tạo nền tảng cho con cái được ăn học đàng hoàng và nay được chia thừa kế sau khi chồng tôi qua đời. Để đảm bảo quyền lợi cho công sức đóng góp, tiền của xây dựng trong quá trình đó, tôi phản đối ý kiến đưa ra của nguyên đơn, của các đương sự liên quan cho rằng nhà Số x đường L, quận T, thành phố Đà Nẵng là tài sản riêng hoàn toàn 100% của chồng tôi. Đã nhiều năm trôi qua, việc lưu giữ giấy tờ có liên quan đến quá trình xây dựng không liên tục, nhiều giai đoạn đã không tránh khỏi thất lạc, hư hỏng, nhưng để tạo dựng nên khối nhà to lớn này cần rất nhiều tiền của, không làm sao có con số cụ thể. Nay tôi yêu cầu thối trả cho tôi số tiền đã đóng góp qua các thời kỳ xây dựng là 1.900.000.000đ khi chia di sản thừa kế của chồng tôi - Ông Trần Quang T để lại.

Tôi yêu cầu Tòa án chia thừa kế theo pháp luật; được nhận phần thừa kế của tôi và hai con NLQ 2 và NLQ 3 bằng tiền.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:*

Theo đơn yêu cầu độc lập, các văn bản gửi Tòa án, các biên bản hòa giải và tại phiên toà sơ thẩm, Bà Phan Lữ Thùy L là người đại diện theo pháp luật của NLQ4 trình bày:

NLQ4 được thành lập ngày 29-01-2002 với 07 thành viên góp vốn là Ông Trần Quang T và 06 thành viên khác có tên trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Ngày 01-6-2005, tôi được Chủ tịch Hội đồng quản trị Ông T bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc công ty. Công ty đã tiến hành xây dựng công trình khách sạn tại Số x đường L, quận T, thành phố Đà Nẵng . Quá trình xây dựng và hoạt động đòi hỏi Công ty phải bổ sung nguồn vốn lớn nhưng Chủ tịch HĐQT không muốn kêu gọi sự góp vốn thêm của các thành viên khác mà muốn lập công ty mới để vợ mình là Bà Phan Lữ Thùy L làm Giám đốc. NLQ4 đã tạm ngưng hoạt động theo ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch HĐQT cho đến nay, chưa giải thể.

Tôi đã soạn nộp bổ sung nhiều giấy tờ chứng minh quá trình xây dựng nhà Số x đường L, quận T, thành phố Đà Nẵng , quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng, cải tạo, mua sắm trang thiết bị để làm khách sạn. Quá trình lưu giữ hồ sơ, dịch chuyển văn phòng làm việc để phù hợp quá trình cải tạo đã không tránh khỏi việc thất lạc, mất hoặc hư hỏng. Trên cơ sở thẩm định giá do Công ty CP Thẩm định giá và Dịch vụ tài chính Đà Nẵng phát hành - phần diện tích xác định được xây dựng từ năm 2005 hoàn toàn thể hiện được giá trị của những gì mà NLQ4 đã đóng góp. NLQ4 yêu cầu thối trả cho Công ty số tiền 2.000.000.000đ khi chia di sản thừa kế là nhà Số x đường L, quận T, thành phố Đà Nẵng do Ông Trần Quang T để lại.

Theo đơn yêu cầu độc lập, các văn bản gửi Tòa án, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, Bà Phan Lữ Thùy L là người đại diện theo pháp luật của NLQ5 trình bày:

NLQ5 được thành lập ngày 10-7-2006 với 02 thành viên góp vốn là Ông Trần Quang T và Bà Phan Lữ Thùy L. Từ đó đến nay đã tiến hành xây dựng, sửa chữa, nâng cấp, mua sắm rất nhiều tranh thiết bị để hoạt động kinh doanh ngành nghề chính là Khách sạn E tại địa chỉ Số x đường L, quận T, thành phố Đà Nẵng . Quá trình hoạt động của Công ty cũng kéo dài đến tháng 10-2016, là thời điểm Ông T phát bệnh hiểm nghèo và chúng tôi cho tạm ngưng hoạt động để tập trung chữa bệnh cho chồng tôi đến ngày 22-5-2017 thì qua đời. Để bảo vệ quyền, lợi hợp pháp của NLQ5, tôi yêu cầu thối trả cho NLQ5 số tiền 5.000.000.000đ khi chia di sản thừa kế là nhà Số x đường L, quận T, thành phố Đà Nẵng do Ông Trần Quang T để lại.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập :*

Theo văn bản gửi Tòa án, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của NLQ 1 là ông Hoàng Văn Tài trình bày:

Thống nhất với toàn bộ phần trình bày của người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn về hàng thừa kế, di sản thừa kế, phương thức phân chia di sản của Ông Trần Quang T để lại. NLQ 1 Yêu cầu Tòa án chia thừa kế theo pháp luật và xin được nhận phần thừa kế của mình bằng tiền.

Không thống nhất với yêu cầu phản tố của Bà Phan Lữ Thùy L, vì di sản để lại là tài sản riêng của Ông T. Việc xây dựng và cải tạo sữa chữa nhà do Ông T tự làm, Bà L không có đóng góp gì. Cũng không đồng ý với yêu cầu độc lập của NLQ4 và NLQ5, vì công sức đóng góp của hai Công ty này không có căn cứ xác thực, doanh thu từ việc khai thác tài sản của hai Công ty cũng do Bà L nắm giữ.

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ6 trình bày:

Về vụ án tranh chấp chia di sản thừa kế do Cháu Trần Thị Kim A khởi kiện đối với nhà đất Số x đường L, quận T, thành phố Đà Nẵng , quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng của Ông Trần Quang T để lại tôi có ý kiến như sau: Tôi là người có liên quan nên đề nghị xét xử theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, tôi không có ý kiến gì. Tôi không biết địa chỉ của NLQ9, NLQ10 và NLQ11.

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải NLQ7 trình bày:

NLQ4 mà tôi là thành viên có địa chỉ tại Số x đường L, quận T, thành phố Đà Nẵng , quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng. Nay Cháu Trần Thị Kim A, sinh năm 2004 là nguyên đơn tranh chấp tài sản thừa kế, tôi có ý kiến như sau: Mọi vấn đề xin được giải quyết theo pháp luật hiện hành. Tôi không biết địa chỉ của NLQ9, NLQ10 và NLQ11.

***** *Tại phiên tòa sơ thẩm, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng phát biểu quan điểm:* đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Cháu Trần Thị Kim A, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn - Bà Phan Lữ Thùy L, không chấp nhận yêu cầu độc lập của NLQ4 và NLQ5.

Xác định hàng thừa kế của Ông Trần Quang T gồm: Bà Phan Lữ Thùy L; NLQ 1, Cháu Trần Thị Kim A, NLQ2; NLQ3.

Xác định di sản thừa kế của Ông Trần Quang T để lại là nhà và đất tại thửa đất số 117, tờ bản đồ số 9, địa chỉ 89A nay là Số x đường L, quận T, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số

3402053051 do UBND TP Đà Nẵng cấp ngày 10-9-1999; có giá trị là 39.907.335.000đ. Mỗi người thừa kế được nhận số tiền bằng nhau là 7.981.467.000đ.

Thối trả cho Bà Phan Lữ Thùy L số tiền 1.900.000.000đ.

Tạm giao nhà và đất tại Số x đường L, quận T, thành phố Đà Nẵng cho Bà Phan Lữ Thùy L quản lý, sử dụng trong thời gian chờ thi hành án.

Phần góp vốn của Ông Trần Quang T trong NLQ5 cũng là di sản thừa kế của Ông T để lại nhưng các đương sự không có ý kiến gì nên không xem xét, giải quyết.

** Với nội dung vụ án nêu trên, Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2020/DS – ST ngày 03 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:*

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 63, 147, 165, 192, 217, 235, 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 357, 612, 613, 616, 618, 623, 649, 650, 651, 652, 660 Bộ luật dân sự; Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện "*Tranh chấp về thừa kế tài sản*" của Nguyên đơn - Cháu Trần Thị Kim A.

Chấp nhận yêu cầu phản tố *"Tranh chấp đòi tài sản"* của bị đơn - Bà Phan Lữ Thùy L.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập *"Tranh chấp đòi tài sản"* của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - NLQ 4.

Không chấp nhận yêu cầu độc lập *"Tranh chấp đòi tài sản"* của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - NLQ5.

I. Xác định nhà và đất tại thửa đất số 117, tờ bản đồ số 9, địa chỉ 89A nay là Số x đường L, quận T, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3402053051 do UBND TP Đà Nẵng cấp ngày 10-9-1999 đứng tên Ông Trần Quang T có tổng giá trị 41.807.335.000đ

(bốn mươi mốt tỷ, tám trăm lẻ bảy triệu, ba trăm ba mươi lăm nghìn đồng). Trong đó:

1. Di sản thừa kế của Ông Trần Quang T để lại là nhà và đất tại thửa đất số 117, tờ bản đồ số 9, địa chỉ 89A nay là Số x đường L, quận T, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3402053051 do UBND TP Đà Nẵng cấp ngày 10-9-1999; có giá trị là 39.907.335.000đ (ba mươi chín tỷ, chín trăm lẻ bảy triệu, ba trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

2. Giá trị phần tài sản của Bà Phan Lữ Thùy L trong khối tài sản là nhà và đất tại thửa đất số 117, tờ bản đồ số 9, địa chỉ 89A nay là Số x đường L, quận T, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3402053051 do UBND TP Đà Nẵng cấp ngày 10-9-1999 đứng tên Ông Trần Quang T là 1.900.000.000đ (một tỷ, chín trăm triệu đồng).

II. Xác định những người thừa kế theo pháp luật của Ông Trần Quang T gồm: Bà Phan Lữ Thùy L; NLQ 1, Cháu Trần Thị Kim A, NLQ2; NLQ3.

III. Phân chia di sản thừa kế của Ông Trần Quang T theo pháp luật là nhà và đất tại thửa đất số 117, tờ bản đồ số 9, địa chỉ 89A nay là Số x đường L, quận T, thành phố Đà Nẵng , tổ 25 phường Chính Gián, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng; có tổng giá trị là 39.907.335.000đ thành 05 kỷ phần thừa kế; mỗi kỷ phần có giá trị là 7.981.467.000đ (bảy tỷ, chín trăm tám mươi mốt triệu, bốn trăm sáu mươi bảy nghìn đồng). Cụ thể:

1. Giao cho Bà Phan Lữ Thùy L được quyền sở hữu, sử dụng toàn bộ nhà và đất tại thửa đất số 117, tờ bản đồ số 9, địa chỉ 89A nay là Số x đường L, quận T, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3402053051 do UBND TP Đà Nẵng cấp ngày 10-9-1999.

2. Bà Phan Lữ Thùy L có nghĩa vụ thối trả lại cho NLQ 1, Cháu Trần Thị Kim A, NLQ2; NLQ3 mỗi người số tiền là 7.981.467.000đ (bảy tỷ, chín trăm tám mươi mốt triệu, bốn trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền được thực hiện theo Điều 357 Bộ luật Dân sự.

3. Sau khi đã thực hiện xong tất cả các nghĩa vụ của mình, Bà Phan Lữ Thùy L có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được làm thủ tục sang tên đổi chủ đối với nhà và đất tại thửa đất số 117, tờ bản đồ số 9, địa chỉ

89A nay là Số x đường L, quận T, thành phố Đà Nẵng , tổ 25 phường Chính Gián, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng.

IV. Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập "Tranh chấp đòi tài sản" của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - NLQ 4: Sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật, NLQ4 vẫn có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết vụ/việc dân sự theo quy định.

V. Án phí và các chi phí tố tụng khác:

1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Phan Lữ Thùy L, NLQ 1 mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm "Tranh chấp về thừa kế tài sản" là 115.981.000đ (một trăm mười lăm triệu, chín trăm tám mươi mốt nghìn đồng).

- Các Cháu Trần Thị Kim A, NLQ 2, NLQ 3 được miễn án phí dân sự sơ thẩm "Tranh chấp về thừa kế tài sản".

Hoàn trả cho Cháu Trần Thị Kim A số tiền tạm ứng án phí 10.500.000đ (mười triệu, năm trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu số 007659 ngày 01-11-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng.

- Bà Phan Lữ Thùy L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm "Tranh chấp đòi tài sản" là 69.000.000đ, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 34.500.000đ đã nộp theo Biên lai thu số 0004566 ngày 07-3-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng; số tiền án phí Bà L còn phải nộp là 34.500.000đ (ba mươi bốn triệu, năm trăm nghìn đồng).

- Hoàn trả cho NLQ4 số tiền tạm ứng án phí "Tranh chấp đòi tài sản" 36.000.000đ (ba mươi sáu triệu đồng) đã nộp theo Biên lai thu số 0004567 ngày 07-3-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng.

- NLQ5 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm "Tranh chấp đòi tài sản" là 113.000.000đ nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 56.500.000đ đã nộp theo Biên lai thu số 0004568 ngày 07-3-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng; số tiền án phí NLQ5 còn phải nộp là 56.500.000đ (năm mươi sáu triệu, năm trăm nghìn đồng).

2. Chi phí thẩm định giá tài sản:

Tổng chi phí thẩm định giá tài sản là 101.650.000đ; Người đại diện theo pháp luật của Cháu Trần Thị Kim A là Bà Hoàng Thị L đã nộp tạm ứng số tiền trên.

Bà Phan Lữ Thùy L, NLQ 1, NLQ2; NLQ3 mỗi người phải có nghĩa vụ trả lại cho Bà Hoàng Thị L số tiền là 20.330.000đ (hai mươi triệu, ba trăm ba mươi nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí thẩm định giá tài sản, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

** Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 17/01/2020 bị đơn Bà Phan Lữ Thùy L có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, vì những nội dung sau:*

Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào Chứng thư Thẩm định giá số 244 TĐG – CT ngày 30/11/2018 của Công ty Cổ phần Thẩm định giá và dịch vụ tài chính Đà Nẵng để xác định giá trị nhà đất tại Số x đường L, quận T, thành phố Đà Nẵng , thành phố Đà Nẵng là không chính xác, bởi lẽ chứng thư này chỉ có giá trị trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày ban hành, hết hiệu lực vào thời điểm tuyên án sơ thẩm. Đồng thời, bà yêu cầu nhận kỷ phần bằng tiền, bằng giá trị chứ không phải là hiện vật vì bà không có khả năng thối trả cho các đồng thừa kế khác.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Phan Lữ Thùy L giữ nguyên nội dung kháng cáo. Bà Hoàng Thị L đại diện hợp pháp của nguyên đơn và ông Hoàng Văn Tài đại diện hợp pháp của NLQ 1 không thống nhất với kháng cáo của Bà L, đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của Bà L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm.

Về nội dung vụ án: đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của Bà Phan Lữ Thùy L, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 01/2020/DS – ST ngày 03 tháng 01 năm 2020 của Toà án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc vắng mặt của các đương sự: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, gồm: NLQ6, NLQ7, NLQ8, NLQ9, NLQ10, NLQ11 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ mà vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ

luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt các đương sự này.

[2] Bị đơn là Bà Phan Lữ Thùy L kháng cáo đối với phần quyết định của bản án sơ thẩm ở hai nội dung, thứ nhất là Chứng thư Thẩm định giá số 244 TĐG – CT ngày 30/11/2018 của Công ty Cổ phần Thẩm định giá và Dịch vụ tài chính Đà Nẵng đã hết hiệu lực vào thời điểm tuyên án sơ thẩm, thứ hai là bà yêu cầu nhận kỷ phần thừa kế bằng giá trị mà bản án sơ thẩm cho bà nhận hiện vật và buộc bà thối trả giá trị cho các đồng thừa kế là không đúng. Ngoài ra, bà không kháng cáo nội dung nào khác. Các đương sự còn lại không kháng cáo bản án sơ thẩm. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Xét kháng cáo của Bà Phan Lữ Thùy L thì thấy:

[3.1] Đối với hiệu lực của Chứng thư Thẩm định giá số 244 TĐG – CT ngày 30/11/2018 của Công ty Cổ phần Thẩm định giá và Dịch vụ tài chính Đà Nẵng *(gọi tắt là Chứng thư Thẩm định giá 244):* Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm Bà L xác nhận, các thủ tục thẩm định giá của Công ty Cổ phần Thẩm định giá và Dịch vụ tài chính Đà Nẵng đều đảm bảo đúng quy định pháp luật, bà có tham gia chứng kiến việc thực hiện thẩm định giá, đã nhận được kết quả thẩm định giá, biết hiệu lực của Chứng thư thẩm định giá có hiệu lực trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày ban hành, trong suốt quá trình giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm bà không phản đối giá trị tài sản nêu tại Chứng thư thẩm định giá. Bà kháng cáo vì cho rằng vào thời điểm Tòa án phúc thẩm xét xử, giá trị nhà đất không đúng với giá thị trường được nêu trong Chứng thư nữa. Tại cấp phúc thẩm, Hội đồng xét xử đã tạm ngừng phiên tòa để tiến hành thủ tục thẩm định giá lại tài sản theo đơn yêu cầu của bà. Tuy nhiên, sau khi nhận thông báo nộp tiền tạm ứng chi phí thẩm định giá lại tài sản thì Bà L có đơn xin rút lại yêu cầu thẩm định giá lại tài sản. Do vậy, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo đối với nội dung này của Bà L.

[3.2] Về yêu cầu được nhận kỷ phần thừa kế bằng giá trị tài sản, không nhận hiện vật: Bà L là người đang trực tiếp quản lý di sản, ngoài kỷ phần thừa kế được hưởng như các đồng thừa kế khác Bà L còn có phần giá trị tài sản riêng của bà là 1.900.000.000đ trong khối tài sản là nhà và đất tại Số x đường L, quận T, thành phố Đà Nẵng , thành phố Đà Nẵng. Bà L còn là người đại diện theo pháp luật của các đồng thừa kế là NLQ2, sinh ngày 30/12/2008 và NLQ3, sinh ngày 29/5/2010. Do đó, việc giao cho Bà L nhận hiện vật và thối trả kỷ phần cho các

đồng thừa kế là phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo được khả năng thực hiện nghĩa vụ thi hành bản án dân sự của các đương sự. Do đó, kháng cáo của Bà L là không có cơ sở để chấp nhận.

[5] Từ những phân tích, nhận định trên, HĐXX chấp nhận quan điểm của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng, ý kiến của đại diện hợp pháp của nguyên đơn Trần Thị Kim A, đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chi NLQ 1, không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn Bà Phan Lữ Thùy L, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2020/DS – ST ngày 03 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên Bà L phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

– Điều 293, khoản 3 Điều 296 và khoản 1 Điều 308 Bộ luật TTDS.

– Các điều 219, 357, 468, 612, 613, 616, 623, 649, 650, 651, 652, 660 Bộ luật dân sự;

– Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình;

– Căn cứ vào điểm a khoản 7 Điều 27, điểm đ Điều 12, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là Bà Phan Lữ Thùy L;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2020/DS – ST ngày 03 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Tuyên xử:

I. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Cháu Trần Thị Kim A về "*Tranh chấp về thừa kế tài sản*" và yêu cầu phản tố của bị đơn là Bà Phan Lữ Thùy L về "*Tranh chấp chia tài sản chung*".

1. Xác định nhà và đất tại thửa đất số 117, tờ bản đồ số 9, địa chỉ 89A nay là Số x đường L, quận T, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3402053051 do UBND TP Đà Nẵng cấp ngày 10-9-1999 đứng tên Ông Trần Quang T có tổng giá trị **41.807.335.000đ** (*bốn mươi mốt tỷ, tám trăm lẻ bảy triệu, ba trăm ba mươi lăm nghìn đồng*). Trong đó:

a. Di sản thừa kế của Ông Trần Quang T để lại là nhà và đất tại thửa đất số 117, tờ bản đồ số 9, địa chỉ 89A nay là Số x đường L, quận T, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3402053051 do UBND TP Đà Nẵng cấp ngày 10-9-1999; có giá trị là **39.907.335.000đ** *(ba mươi chín tỷ, chín trăm lẻ bảy triệu, ba trăm ba mươi lăm nghìn đồng).*

b. Giá trị phần tài sản của Bà Phan Lữ Thùy L trong khối tài sản là nhà và đất tại thửa đất số 117, tờ bản đồ số 9, địa chỉ 89A nay là Số x đường L, quận T, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3402053051 do UBND TP Đà Nẵng cấp ngày 10-9-1999 đứng tên Ông Trần Quang T là **1.900.000.000đ** *(một tỷ, chín trăm triệu đồng).*

2. Xác định những người thừa kế theo pháp luật của Ông Trần Quang T gồm: Bà Phan Lữ Thùy L; NLQ 1, Cháu Trần Thị Kim A, NLQ2; NLQ3.

3. Phân chia di sản thừa kế của Ông Trần Quang T theo pháp luật là nhà và đất tại thửa đất số 117, tờ bản đồ số 9, địa chỉ 89A nay là Số x đường L, quận T, thành phố Đà Nẵng , tổ 25 phường Chính Gián, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng; có tổng giá trị là 39.907.335.000đ thành 05 kỷ phần thừa kế; mỗi kỷ phần có giá trị là **7.981.467.000đ** *(bảy tỷ, chín trăm tám mươi mốt triệu, bốn trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).* Cụ thể:

a. Giao cho Bà Phan Lữ Thùy L được quyền sở hữu, sử dụng toàn bộ nhà và đất tại thửa đất số 117, tờ bản đồ số 9, địa chỉ 89A nay là Số x đường L, quận T, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3402053051 do UBND TP Đà Nẵng cấp ngày 10-9-1999.

b. Bà Phan Lữ Thùy L có nghĩa vụ thối trả lại cho NLQ 1, Cháu Trần Thị Kim A, NLQ2; NLQ3 mỗi người số tiền là **7.981.467.000đ** *(bảy tỷ, chín trăm tám mươi mốt triệu, bốn trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất

cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

4. Sau khi đã thực hiện xong tất cả các nghĩa vụ của mình, Bà Phan Lữ Thùy L có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được làm thủ tục sang tên đổi chủ đối với nhà và đất tại thửa đất số 117, tờ bản đồ số 9, địa chỉ 89A nay là Số x đường L, quận T, thành phố Đà Nẵng , tổ 25 phường Chính Gián, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

II. Đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của NLQ4 về yêu cầu đòi tài sản chung với số tiền là 2.000.000.000đ.

III. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của NLQ5 về yêu cầu đòi tài sản chung với số tiền 5.000.000.000đ.

IV. Án phí và các chi phí tố tụng khác:

1. Án phí dân sự:

a. Án phí sơ thẩm:

Bà Phan Lữ Thùy L, NLQ 1 mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về chia di sản thừa kế là 115.981.000đ.

Các Cháu Trần Thị Kim A, NLQ 2, NLQ 3 được miễn án phí dân sự sơ thẩm về chia di sản thừa kế.

Hoàn trả cho Cháu Trần Thị Kim A số tiền tạm ứng án phí 10.500.000đ đã nộp theo Biên lai thu số 007659 ngày 01-11-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Bà Phan Lữ Thùy L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung là 69.000.000đ, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 34.500.000đ đã nộp theo Biên lai thu số 0004566 ngày 07-3-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Như vậy, số tiền án phí về chia tài sản chung Bà L còn phải nộp là 34.500.000đ.

Hoàn trả cho NLQ4 số tiền tạm ứng án phí về tranh chấp đòi tài sản chung đã nộp là 36.000.000đ (ba mươi sáu triệu đồng), theo Biên lai thu số 0004567 ngày 07-3-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

NLQ5 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp đòi chia tài sản chung là 113.000.000đ, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.500.000đ, theo Biên lai thu số 0004568 ngày 07-3-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Như vậy, số tiền án phí NLQ5 còn phải nộp là 56.500.000đ (năm mươi sáu triệu, năm trăm nghìn đồng).

b. Án phí phúc thẩm:

Bà Phan Lữ Thùy L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm với số tiền là 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000đ, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 001719 ngày 20-01-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Như vậy, Bà Phan Lữ Thùy L đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

2. Chi phí thẩm định giá tài sản:

Tổng chi phí thẩm định giá tài sản là 101.650.000đ. Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn Cháu Trần Thị Kim A đã nộp tạm ứng số tiền trên. Do vậy, Bà Phan Lữ Thùy L, NLQ 1, NLQ2 và NLQ3 mỗi người phải có nghĩa vụ trả lại cho Cháu Trần Thị Kim A số tiền là 20.330.000đ.

V. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

VI. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hánh án theo quy định tại Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND quận Thanh Khê;
- Chi cục THA DS quận Thanh Khê;
- VKSND Tp. Đà Nẵng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án (1b), Tổ nghiệp vụ;
- Văn phòng (1b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Văn Hiếu